

A-điền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 575/STC-NSNN ngày 28/02/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, các nội dung còn lại của Quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai không bị điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Thời gian áp dụng Quy định kèm theo Quyết định này được tính từ ngày Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh Đồng Nai có hiệu lực thi hành (từ ngày 17/12/2013).

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính tổ chức, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản QPPL);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
 - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Chánh - Phó Văn phòng;
 - Lưu: VT, KT.
- @DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

QUY ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 29/1/2011

của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung thuộc đối tượng chi, mức chi phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp tại Mục 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Điều chỉnh mức chi cho trường đoàn giám sát: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/cuộc.
- b) Cấp huyện: 150.000 đồng/người/cuộc.
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/cuộc.

2. Bổ sung mức chi cho Phó Trường đoàn giám sát: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc.
- b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/cuộc.
- c) Cấp xã: 70.000 đồng/người/cuộc.

3. Điều chỉnh mức chi cho thành viên, đại biểu tham gia đoàn giám sát, mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/cuộc.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/cuộc.
- c) Cấp xã: 60.000 đồng/người/cuộc.

4. Điều chỉnh mức chi cho việc xây dựng báo cáo kết quả giám sát của đoàn giám sát: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

5. Bổ sung mức chi cho việc thu thập tài liệu, xây dựng quyết định và đề cương giám sát: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/quyết định, đề cương.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/quyết định, đề cương.
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/quyết định, đề cương.

6. Bổ sung mức chi cho giám sát văn bản quy phạm pháp luật:

Mức chi cho các cấp áp dụng theo quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Nghị quyết số 42/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh, cụ thể:

a) Chi hợp giám sát:

- Chi cho người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/buổi.
- Chi cho các thành viên dự họp theo danh sách: 100.000 đồng/buổi.

b) Riêng báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng như mức chi quy định tại Khoản 4, Điều này.

7. Bổ sung các khoản chi cho hoạt động giám sát giải quyết khiếu nại tố cáo và kiến nghị của cử tri; đối tượng chi, mức chi thực hiện như Khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.

8. Bãi bỏ nội dung chi cho đại biểu thuộc đơn vị chịu sự giám sát.

Điều 2. Điều chỉnh các khoản chi cho công tác thẩm tra tại Điều 10, Mục 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Chi cho người chủ trì cuộc họp thẩm tra: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- b) Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi.
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Chi cho thành viên dự họp theo danh sách dự họp: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.
- c) Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

3. Chi cho việc xây dựng báo cáo thẩm tra: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo;
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

Điều 3. Điều chỉnh các khoản chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tại Điều 11, Mục 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Điều chỉnh mức chi cho đại biểu HĐND là Chủ tọa kỳ họp HĐND; mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày.
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Điều chỉnh mức chi cho đại biểu HĐND là Thư ký kỳ họp HĐND. Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.
- b) Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày.
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Điều chỉnh mức chi cho đại biểu HĐND tham dự kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh, thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh: 200.000 đồng/người/ngày.
- b) Các huyện, phường, thị trấn: 100.000 đồng/người/ngày.
- c) Các xã: 70.000 đồng/người/ngày.

4. Điều chỉnh mức chi cho khách mời và cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh, thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh: 100.000 đồng/người/ngày.
- b) Các huyện, phường, thị trấn: 70.000 đồng/người/ngày.
- c) Các xã: 60.000 đồng/người/ngày.

5. Điều chỉnh mức chi cho việc tổng hợp báo cáo chung kết quả thảo luận của các tổ tại kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/báo cáo.

6. Điều chỉnh mức chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp nội dung chất vấn, báo cáo tổng hợp trả lời chất vấn tại kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

7. Điều chỉnh mức chi cho việc xây dựng biên bản kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 400.000 đồng/biên bản.

b) Cấp huyện: 300.000 đồng/biên bản.

c) Cấp xã: 200.000 đồng/biên bản.

8. Điều chỉnh mức chi cho việc xây dựng báo cáo chuyên đề trình kỳ họp; xây dựng đề án, tờ trình, nghị quyết của Thường trực HĐND trình kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

a) Cấp tỉnh: 400.000 đồng/bộ văn bản.

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/bộ văn bản.

c) Cấp xã: 100.000 đồng/bộ văn bản.

9. Điều chỉnh mức chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trình kỳ họp; mức chi cho từng cấp như sau:

a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

b) Cấp huyện: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

c) Cấp xã: 70.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

Điều 4. Điều chỉnh các khoản chi phục vụ hội nghị lấy ý kiến đóng góp dự án luật, pháp lệnh tại Điều 12, Mục 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Chi cho báo cáo viên, giảng viên:

a) Giảng viên, Báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 1.000.000 đồng/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học: 800.000 đồng/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính: 600.000 đồng/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 03 đối tượng nêu trên): Mức tối đa không quá 500.000 đồng/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: Mức tối đa không quá: 300.000 đồng/buổi.

2. Chi cho cá nhân tham dự hội nghị:

a) Chi cho người chủ trì hội nghị: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc họp.

- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

- Cấp xã: 70.000 đồng/người/cuộc họp.

b) Chi cho Đại biểu HĐND, khách mời dự hội nghị và cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/cuộc họp.

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/cuộc họp.

3. Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh: Mức chi cho từng cấp như sau:

a) Cấp tỉnh: 800.000 đồng/báo cáo/dự luật.

b) Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo/dự luật.

c) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo/dự luật.

Điều 5. Điều chỉnh chế độ chi hội nghị, giao ban và các cuộc họp liên quan đến hoạt động HĐND của Đảng đoàn HĐND tỉnh, của Thường trực HĐND, của Ban HĐND và của Tổ đại biểu HĐND các cấp tại Điều 13, Mục 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Chi cho người chủ trì hội nghị, giao ban, cuộc họp. Mức chi cho từng cấp như sau:

a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Chi cho đại biểu HĐND, khách mời và cán bộ công chức dự họp theo danh sách: Mức chi cho từng cấp như sau:

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 6. Bổ sung đối tượng và mức khoán chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri của HĐND các cấp (bao gồm cả tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc của đại biểu, tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng và địa bàn mà đại biểu quan tâm)

1. Khoán chi cho các xã, phường, thị trấn để tổ chức, phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của HĐND các cấp: Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, chi cho người chủ trì..., mức chi: 6.000.000 đồng/năm/phường (xã, thị trấn).

Mức khoán nêu trên đã đảm bảo chi cho người chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri các cấp, mức chi là: 150.000 đồng/hội nghị.

2. Khoán chi cho đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri như sau:

- a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.
- b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.
- c) Cấp xã: 500.000 đồng/đại biểu/năm.

3. Chi cho việc xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu HĐND, kết quả tiếp xúc cử tri theo chuyên đề: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/văn bản.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/văn bản.
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/văn bản.

4. Cán bộ công chức các ban, ngành, cán bộ phục vụ tiếp xúc cử tri, phóng viên báo đài... được hưởng chế độ công tác phí do cơ quan quản lý cán bộ thanh toán theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Điều 7. Bổ sung chế độ chi cho việc xây dựng dự thảo báo cáo chuyên đề phục vụ cho hoạt động của Thường trực HĐND: Mức chi cho từng cấp như sau:

- 1. Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo.
- 2. Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo.
- 3. Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Bổ sung chế độ chi cho đại biểu HĐND và cán bộ công chức phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân.

Chi cho đại biểu HĐND, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công trực tiếp tiếp công dân theo lịch hoặc giấy mời tiếp công dân của Thường trực HĐND, của Tổ đại biểu HĐND: Mức chi cho từng cấp như sau:

- 1. Cấp tỉnh: 150.000 đồng/đại biểu/ngày.
- 2. Cấp huyện: 100.000 đồng/đại biểu/ngày.
- 3. Cấp xã: 70.000 đồng/đại biểu/ngày.

Điều 9. Điều chỉnh mức chi cho cán bộ, công chức và người lao động phục vụ gián tiếp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 của Quy định này (nhân viên lái xe và người lao động phục vụ khác): Mức chi cho từng cấp như sau:

- 1. Cấp tỉnh: 60.000 đồng/người/buổi.
- 2. Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi.
- 3. Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

Điều 10. Điều chỉnh, bãi bỏ chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất tại Điều 20, Mục 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Điều chỉnh chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với đại biểu HĐND đương nhiệm:

a) Đại biểu HĐND đương nhiệm khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 500.000 đồng/người/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.000.000 đồng/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp là 3.000.000 đồng/người/lần. Chi không quá 02 lần/người/năm.

b) Đại biểu HĐND từ trần thì gia đình của đại biểu được trợ cấp 2.000.000 đồng.

c) Đại biểu HĐND có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết thì được trợ cấp một lần 1.000.000 đồng/người.

d) Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và không có chế độ bảo hiểm xã hội chi trả từ trần được hưởng một khoản tiền mai táng phí bằng 10 tháng lương tối thiểu. Đại biểu HĐND các cấp hưởng lương ngân sách Nhà nước và có bảo hiểm xã hội chi trả thì được trợ cấp tiền mai táng phí bằng 05 tháng lương tối thiểu.

2. Điều chỉnh chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với các vị nguyên là đại biểu HĐND:

a) Các vị nguyên là đại biểu HĐND khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi: 500.000 đồng/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.000.000 đồng/lần, chi tối đa không quá 02 lần/năm. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/lần, chi tối đa không quá 02 lần/năm.

b) Nguyên đại biểu HĐND từ trần thì gia đình của nguyên đại biểu được trợ cấp 2.000.000 đồng.

3. Bãi bỏ chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ hoạt động HĐND (kể cả cán bộ, công chức đương nhiệm và cán bộ, công chức Văn phòng đã nghỉ hưu).

Điều 11. Điều chỉnh chi hỗ trợ đối với Đại biểu HĐND và cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ hoạt động HĐND các cấp tại Điều 21, Mục 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

1. Đối với đại biểu HĐND đương nhiệm:

a) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu được cấp tiền may 02 bộ lễ phục với mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/bộ.
- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/bộ.
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/bộ.

b) Đại biểu HĐND được cấp tài liệu, báo chí, phí truy cập internet để thu thập thông tin, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi các hoạt động HĐND trên Website HĐND tỉnh (đại biểu dân cử ở nhiều cấp thì chỉ được chi ở 01 cấp cao nhất) với mức khoán tháng cho đại biểu HĐND từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/đại biểu/tháng.
- Cấp huyện: 200.000 đồng/đại biểu/tháng.
- Cấp xã: 100.000 đồng/đại biểu/tháng.

Ngoài ra, những tài liệu cần nghiên cứu để phục vụ cho hoạt động của HĐND sẽ do Thường trực HĐND quyết định. Khoản kinh phí này không nằm trong mục hỗ trợ báo chí của đại biểu.

c) Thuê người am hiểu về vấn đề mà Thường trực HĐND, Ban HĐND thấy cần thiết: Thường trực HĐND, Trưởng các Ban HĐND các cấp được thuê người có trình độ chuyên môn nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước hoặc sau khi đi giám sát (nếu xét thấy cần thiết), mức thuê cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/một lần thuê/đề án;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/một lần thuê/đề án;
- Cấp xã: 500.000 đồng/một lần thuê/đề án.

2. Chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Văn phòng phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND các cấp:

a) Đối tượng được hưởng chế độ trang phục quy định cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: CBCC tham mưu, giúp việc trực tiếp cho hoạt động HĐND cấp tỉnh.
- Cấp huyện: CBCC tham mưu, giúp việc trực tiếp cho hoạt động HĐND cấp huyện (tối đa 03 suất).
- Cấp xã: CBCC tham mưu, giúp việc cho hoạt động HĐND cấp xã (01 suất).

b) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, các đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này được cấp tiền may 01 bộ trang phục với mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/bộ.
- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/bộ.
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/bộ.

3. Bổ sung quy định trường hợp các đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này được tuyển dụng hoặc chuyển công tác về cơ quan Văn phòng giúp việc cho hoạt động của HĐND mà tại thời điểm đó, khóa HĐND không còn đủ 5 năm thì các đối tượng đó được hưởng mức chi lễ phục bằng 1/5 mức quy định trên nhân với số năm còn lại của khóa HĐND hiện tại.

Điều 12. Điều chỉnh đối tượng, chế độ chi tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội tại Điều 22, Mục 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

Mức giá trị quà tặng của các tổ chức HĐND các cấp khi thăm hỏi nhân dịp Lễ, Tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của HĐND; gia đình và cá nhân gặp rủi ro thiên tai; Già làng, người có uy tín trong cộng đồng; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh; trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo...

Số lần tặng quà và giá trị quà tặng do Thường trực HĐND quyết định và thực hiện theo kế hoạch.

Điều 13. Điều chỉnh chế độ chi tặng quà cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Điều 23, Mục 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND như sau:

Quà tặng được sử dụng khi Đoàn của HĐND tỉnh Đồng Nai đi công tác nước ngoài hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức nước ngoài đến làm việc với HĐND tỉnh. Mức chi quà tặng đối với mỗi tổ chức, cá nhân do Thường trực HĐND tỉnh quyết định và thực hiện theo kế hoạch.

Điều 14. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Phúc